

Kiến thức và thái độ về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Khoa học Sức khỏe

Đỗ Nguyễn Mai Trinh*, Nguyễn Minh Thụy, Nguyễn Ngọc Trân, Nguyễn Đặng Kim Thủy, Nguyễn Thị Trúc, Mai Mỹ Châu



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định kiến thức đúng và thái độ tích cực về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn (VSN) và các yếu tố liên quan của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Khoa học Sức khỏe.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 278 sinh viên đang theo học ngành Điều dưỡng năm thứ 2, 3, 4 đã hoàn thành xong học phần Kiểm soát nhiễm khuẩn tại Trường Đại học Khoa học Sức khỏe và có mặt tại thời điểm nghiên cứu được thực hiện từ tháng 09/2025 đến tháng 11/2025. Sinh viên đồng ý tham gia nghiên cứu.

Kết quả: Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn đạt 71,2%, trong đó kiến thức về phòng ngừa tổn thương do vật sắc nhọn có tỷ lệ đúng cao nhất (90,65%). Tỷ lệ sinh viên có thái độ tích cực đối với xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn là 87,4%. Phân tích mối liên quan cho thấy năm học có ý nghĩa thống kê với mức độ kiến thức ($p = 0,013$), trong đó sinh viên năm 3 chiếm tỷ lệ cao nhất (36,76%), tiếp theo là sinh viên năm 4 (25,81%) và thấp nhất là sinh viên năm 2 (19,82%).

Kết luận: Sinh viên điều dưỡng có kiến thức tốt và thái độ tích cực về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế cần được cải thiện thông qua đào tạo và cập nhật kiến thức thường xuyên.

Từ khoá: Sinh viên điều dưỡng, phơi nhiễm với vật sắc nhọn, kiến thức, thái độ

ĐẶT VẤN ĐỀ

Phơi nhiễm với vật sắc nhọn (VSN) được hiểu là tình huống nhân viên y tế hoặc người học ngành y bị tổn thương qua da, niêm mạc do các dụng cụ y tế sắc nhọn như kim tiêm, dao mổ, ống hút máu, lưỡi lam,...có dính máu hoặc dịch sinh học của người bệnh. Đây là một trong những tai nạn nghề nghiệp phổ biến nhất, tiềm ẩn nguy cơ lây truyền các tác nhân gây bệnh nghiêm trọng, đặc biệt là virus viêm gan B (HBV), virus viêm gan C (HCV) và HIV.

Phơi nhiễm với VSN là một nguy cơ phổ biến và nghiêm trọng đối với nhân viên y tế (NVYT) trên toàn cầu. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), mỗi năm có hơn 2 triệu trường hợp phơi nhiễm xảy ra trong số khoảng 35 triệu NVYT, với tỷ lệ hiện mắc trong một năm là 44,5%^{1,2}. Một nghiên cứu tại Hà Nội cho thấy 64,8% NVYT từng bị phơi nhiễm ít nhất một lần mỗi năm. Nhóm NVYT này chủ yếu bao gồm các điều dưỡng và bác sĩ làm việc trực tiếp với máu và dịch cơ thể hoặc dụng cụ sắc nhọn³.

Sinh viên điều dưỡng (SVĐD) là nhóm có nguy cơ cao do tham gia thực hành lâm sàng từ sớm, thường xuyên tiếp xúc với kim tiêm, máu và dịch cơ thể người bệnh. Trong khi đó, kỹ năng thực hành và kinh nghiệm xử

trí tình huống của sinh viên còn hạn chế, làm gia tăng nguy cơ xảy ra phơi nhiễm với VSN. Một nghiên cứu tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ cũng cho thấy tỷ lệ SVĐD từng bị tổn thương do VSN trong vòng 6 tháng là 51,4%, và tỷ lệ không báo cáo lên đến 70,2%⁴. Mặc dù đã có một số nghiên cứu về phơi nhiễm với VSN trong lĩnh vực y tế, hiện chưa có nghiên cứu nào đánh giá kiến thức và thái độ trong xử trí phơi nhiễm với VSN của sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Khoa học Sức khỏe. Đến nay, chưa ghi nhận nghiên cứu nào được thực hiện trên đối tượng sinh viên điều dưỡng tại trường, hoặc nếu có thì đã lỗi thời, chưa phản ánh đúng thực trạng hiện nay. Việc đánh giá thực trạng này là cần thiết nhằm cung cấp bằng chứng khoa học và làm cơ sở xây dựng các chương trình đào tạo, can thiệp phù hợp, góp phần nâng cao an toàn cho sinh viên trong quá trình học tập và thực hành lâm sàng.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Trường Đại học Khoa học Sức khỏe - Đại học Quốc Gia thành phố Hồ Chí Minh

Liên hệ

Đỗ Nguyễn Mai Trinh, Trường Đại học Khoa học Sức khỏe - Đại học Quốc Gia thành phố Hồ Chí Minh

Email: dnmtrinh.dd2023@uohsvnu.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 02-02-2026
- Ngày sửa đổi: 01-06-2026
- Ngày chấp nhận: 07-07-2026
- Ngày đăng: 25-08-2026

DOI: <https://doi.org/10.32508/vnuhcmj-hs.v7i2.753>



Bản quyền

© Tạp chí ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

Trích dẫn bài báo này: Trinh D N M, Thụy N M, Trân N N, Thủy N D K, Trúc N T, Châu M M. Kiến thức và thái độ về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Khoa học Sức khỏe. VNUHCM J. Health Sci. 2026; 7(2):1126-1138.

Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên đang theo học ngành Điều dưỡng năm thứ 2, 3, 4 đã hoàn thành xong học phần Kiểm soát nhiễm khuẩn tại Trường Đại học Khoa học Sức khỏe và đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn chọn vào: Sinh viên đồng ý tham gia nghiên cứu và đã hoàn thành xong học phần Kiểm soát nhiễm khuẩn.

Tiêu chuẩn loại trừ: Sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu hoặc không có mặt trong thời điểm nghiên cứu diễn ra và chưa hoàn thành xong học phần Kiểm soát nhiễm khuẩn.

Cỡ mẫu

Tổng số sinh viên Điều dưỡng Trường "Đại học Khoa học Sức Khỏe" ở 3 năm:

$$118 + 144 + 32 = 294$$

Được tính theo công thức tính cỡ mẫu để ước lượng một tỉ lệ với độ chính xác tuyệt đối:

$$n = \frac{Z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 \cdot P(1-P)}{d^2}$$

Trong đó:

n: cỡ mẫu tối thiểu.

$Z_{1-\frac{\alpha}{2}}$: hệ số tin cậy ở mức xác suất 95%.

$\alpha = 0,05$.

d: sai số biên cần ước lượng trong nghiên cứu với độ tin cậy 95%.

Tỉ lệ ước đoán $P=0,765$ dựa vào kết quả tỉ lệ thái độ tích cực của sinh viên trong nghiên cứu của tác giả Đoàn Mạnh Linh và cộng sự "Thực trạng kiến thức, thái độ dự phòng và xử trí tổn thương do vật sắc nhọn của học viên, sinh viên trường cao đẳng hậu cần 1 năm 2021".

Cỡ mẫu tối thiểu cần chọn là 277 sinh viên điều dưỡng. Trên thực tế, nhóm nghiên cứu khảo sát được 278 mẫu.

Phương pháp chọn mẫu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu phân tầng theo năm học (năm 2, năm 3, năm 4). Trong mỗi tầng, nhóm tiến hành chọn mẫu ngẫu nhiên bằng cách tiếp cận các sinh viên có mặt tại lớp và đồng ý tham gia nghiên cứu.

- Tầng 1- sinh viên lớp cử nhân Điều dưỡng 2022 với số lượng là 32 sinh viên.

- Tầng 2 - sinh viên lớp cử nhân Điều dưỡng 2023 với số lượng là 144 sinh viên.

- Tầng 3- sinh viên lớp cử nhân Điều dưỡng 2024 với số lượng là 118 sinh viên.

Tổng số sinh viên cả 3 lớp là 294 sinh viên. Phần trăm sinh viên tham gia nghiên cứu là $(277:294) \times 100=94\%$.

- Tầng 1- sinh viên lớp cử nhân Điều dưỡng 2022 với số lượng $32 \times 94\% = 31$ sinh viên.

- Tầng 2- sinh viên lớp cử nhân Điều dưỡng 2023 với số lượng $144 \times 94\% = 136$ sinh viên.

- Tầng 3- sinh viên lớp cử nhân Điều dưỡng 2024 với số lượng $118 \times 94\% = 111$ sinh viên.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- **Thời gian nghiên cứu:** tháng 06 năm 2025 tới tháng 02 năm 2026.

+ **Thời gian lấy số liệu:** từ tháng 09 đến tháng 11 năm 2025.

+ **Thời gian phân tích số liệu:** từ tháng 12 năm 2025 tới tháng 01 năm 2026.

- **Địa điểm nghiên cứu:** Khoa Điều dưỡng, Trường "Đại học Khoa học Sức Khỏe".

Công cụ thu thập số liệu và các biến số nghiên cứu chính

Bộ công cụ nghiên cứu: Tham khảo và sử dụng bộ câu hỏi của nghiên cứu "Thực trạng kiến thức, thái độ dự phòng và xử trí tổn thương do vật sắc nhọn của học viên, sinh viên "Trường Cao đẳng Hậu Cần 1" năm 2021" của tác giả Đoàn Mạnh Linh, Phạm Thị Mai Hạnh, Hà Thị Phương Uyên và cộng sự nhằm mục đích đánh giá kiến thức, thái độ về dự phòng và xử trí tổn thương do vật sắc nhọn trong tiêm truyền, lấy máu xét nghiệm của học viên, sinh viên "Trường Cao đẳng Hậu Cần 1" năm 2021 (Đoàn Mạnh Linh, Phạm Thị Mai Hạnh, Hà Thị Phương Uyên., 2023). Nghiên cứu được thực hiện trên 200 học sinh, sinh viên đã đi thực tập bệnh viện.

Thu thập số liệu bằng phương pháp diễn câu trả lời trực tiếp trên phiếu có bộ câu hỏi trong khoảng thời gian 15-20 phút. Cấu trúc bao gồm 3 phần với 31 câu hỏi:

Phần A (5 câu): Thông tin chung. Bao gồm thông tin chung của đối tượng nghiên cứu như giới tính, năm học, yêu nghề, tình trạng tiêm vắc xin viêm gan B và thông tin liên quan đến việc xử trí phơi nhiễm với VSN.

Phần B (17 câu): Kiến thức về xử trí phơi nhiễm với VSN. Bao gồm các câu hỏi về kiến thức về xử trí phơi nhiễm với VSN, được chia ra thành các lĩnh vực:

Kiến thức phòng ngừa tổn thương do VSN.

Kiến thức về tổn thương do VSN.

Kiến thức về xử trí phơi nhiễm với VSN trong tiêm truyền.

Phần C (9 câu): Thái độ về xử trí phơi nhiễm với VSN. Bao gồm các câu hỏi về thái độ về xử trí phơi nhiễm với VSN.

Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

- **Thống kê mô tả:** được sử dụng để mô tả các đặc điểm của đối tượng nghiên cứu và các mục điểm kiến thức, thái độ.

+ **Đối với biến định lượng:**

Nếu phân phối bình thường: biểu diễn bằng trung bình, độ lệch chuẩn, giá trị nhỏ nhất, giá trị lớn nhất.

Nếu phân phối không bình thường: biểu diễn bằng trung vị, khoảng tứ phân vị.

+ **Đối với biến định tính:** biểu diễn bằng tần số (n), tỉ lệ (%).

- **Thống kê phân tích:** được tiến hành để tìm các mối tương quan giữa các đặc điểm nhân khẩu của đối tượng nghiên cứu với kiến thức và thái độ của đối tượng nghiên cứu.

+ Phân tích thống kê mối tương quan giữa các biến phụ thuộc và các biến độc lập là định tính sẽ sử dụng phép kiểm chi bình phương hoặc phép kiểm định Fisher nếu vọt trị < 5.

+ Phân tích thống kê mối tương quan giữa các biến phụ thuộc và các biến độc lập là định lượng sẽ sử dụng phép kiểm hồi quy Logistic.

+ Phân tích thống kê được thực hiện bằng phần mềm SPSS 20.0. Kết quả kiểm định cho giá trị $p < 0,05$ được xem là có ý nghĩa thống kê.

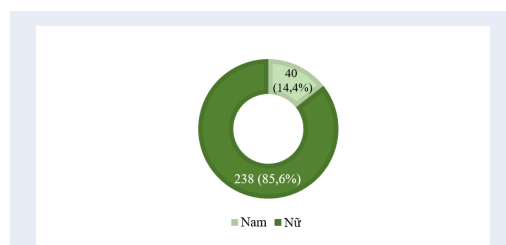
Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu của chúng tôi đã được thông qua Quyết định số 03/QĐ-HĐĐĐ ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Trường Đại học Khoa học Sức khỏe.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Các đặc điểm của đối tượng tham gia nghiên cứu

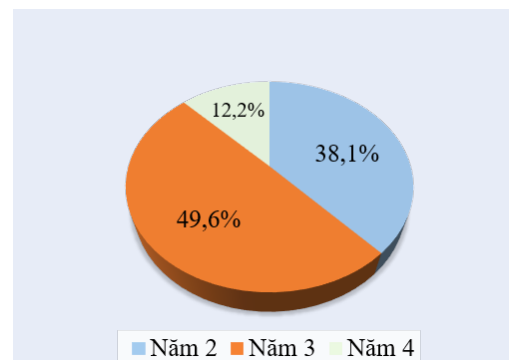
Giới tính của đối tượng tham gia nghiên cứu



Hình 1: Giới tính của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Khoa học Sức khỏe *Nguồn:* Nhóm tác giả phân tích dữ liệu từ phần mềm SPSS 20.0

Nhận xét Hình 1: Kết quả cho thấy nữ chiếm tỷ lệ áp đảo (85,6%), trong khi nam chỉ chiếm 14,4%.

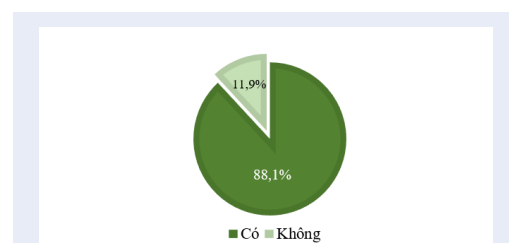
Năm học của đối tượng tham gia nghiên cứu



Hình 2: Năm học của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Khoa học Sức khỏe *Nguồn:* Nhóm tác giả phân tích dữ liệu từ phần mềm SPSS20.0

Nhận xét Hình 2: Sinh viên năm 3 chiếm tỷ lệ cao nhất (49,6%), tiếp theo là năm 2 (38,1%), và năm 4 chiếm tỷ lệ thấp nhất (12,2%).

Mức độ yêu nghề của đối tượng tham gia nghiên cứu

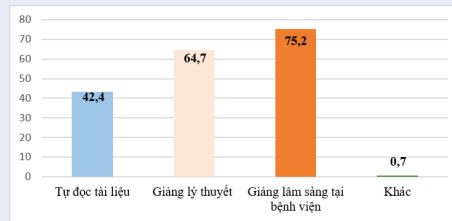


Hình 3: Mức độ yêu nghề của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Khoa học Sức khỏe *Nguồn:* Nhóm tác giả phân tích dữ liệu từ phần mềm SPSS 20.0

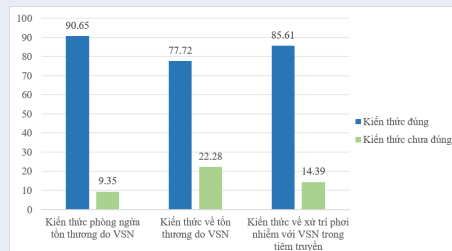
Nhận xét Hình 3: Đa số người tham gia khảo sát bày tỏ sự yêu thích đối với ngành nghề đang theo học (88,1%), trong khi 11,9% không có sự yêu thích.

Hình thức mong muốn được đào tạo kiến thức về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn của đối tượng tham gia nghiên cứu

Nhận xét Hình 4: Hình thức mong muốn được đào tạo được lựa chọn chủ yếu là giảng lâm sàng tại bệnh viện (75,2%), tiếp theo là giảng lý thuyết (64,7%) và tự đọc tài liệu (42,4%). Hình thức khác chiếm tỷ lệ rất thấp (0,7%).



Hình 4: Hình thức mong muốn được đào tạo kiến thức về xử trí phơi nhiễm với VSN của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Khoa học Sức khỏe *Nguồn:* Nhóm tác giả phân tích dữ liệu từ phần mềm SPSS 20.0



Hình 5: Mô tả kiến thức về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn *Nguồn:* Nhóm tác giả phân tích dữ liệu từ phần mềm SPSS 20.0

Kiến thức về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn của đối tượng tham gia nghiên cứu

Nhận xét Hình 5: Trong đó, kiến thức về phòng ngừa tổn thương do vật sắc nhọn chiếm tỷ lệ đúng cao nhất (90,65%), kiến thức về tổn thương do vật sắc nhọn đạt 77,72%, kiến thức về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn trong tiêm truyền đạt tỷ lệ đúng tương đối cao (85,61%).

Bảng 1: Đánh giá kiến thức về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Khoa học Sức khỏe

Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng (n=278)		
Kiến thức chung	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Chưa đúng	80	28,8
Đúng	198	71,2
Tổng	278	100

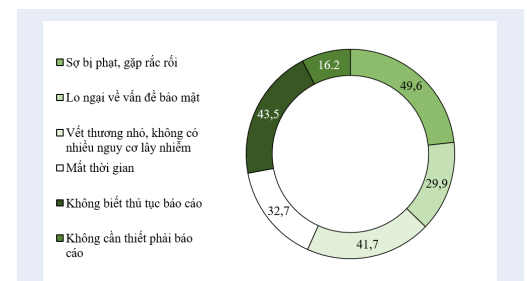
Nguồn: Nhóm tác giả phân tích dữ liệu từ phần mềm SPSS 20.0

Nhận xét Bảng 1 : Qua khảo sát cho thấy 71,2% sinh viên có kiến thức đúng về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn và 28,8% sinh viên chưa có kiến thức đúng.

Nhận xét Bảng 2: Tỷ lệ sinh viên trả lời đúng về các virus có thể lây truyền qua đường máu theo vật sắc nhọn lần lượt là HIV (97,1%), viêm gan B (94,6%) và viêm gan C (79,9%).

Đối với kiến thức về mức chứa an toàn của hộp đựng vật sắc nhọn, tỷ lệ trả lời đúng cao nhất là phương án 3/4 hộp (55,8%), tiếp theo là 2/3 hộp (51,8%), 1/2 hộp (18,3%) và thấp nhất là đầy hộp (11,5%).

Về cách thức sơ cứu ban đầu khi bị tổn thương do vật sắc nhọn, phương án “Rửa ngay vết thương với xà phòng dưới vòi nước chảy, để máu chảy tự nhiên, băng vết thương lại” có tỷ lệ trả lời đúng cao nhất (82,7%), tiếp theo là “Rửa ngay vết thương bằng dung dịch nước muối, băng vết thương lại” (59,0%) và “Rửa ngay vết thương bằng dung dịch sát khuẩn, băng vết thương lại” (48,6%). Phương án “Nặn/bóp máu vết thương, băng vết thương lại” có tỷ lệ trả lời đúng thấp nhất (3,6%).



Hình 6: Lý do không báo cáo với người phụ trách sau tổn thương do vật sắc nhọn *Nguồn:* Nhóm tác giả phân tích dữ liệu từ phần mềm SPSS 20.0

Nhận xét Hình 6: Lý do “Sợ bị phạt, gặp rắc rối” chiếm tỷ lệ cao nhất (49,6%). Tiếp theo là “Không biết thủ tục báo cáo” (43,5%) và “Vết thương nhỏ, không có nhiều nguy cơ lây nhiễm” (41,7%). Lý do “Mất thời gian” chiếm 32,7%, trong khi “Lo ngại về vấn đề bảo mật” là 29,9%. Thấp nhất là “Không cần thiết phải báo cáo” với 16,2%.

Thái độ về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn của đối tượng tham gia nghiên cứu

Nhận xét Bảng 3 : Đa số sinh viên điều dưỡng có thái độ tích cực đối với xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn (87,4%). Tuy nhiên, vẫn còn 12,6% sinh viên có thái độ chưa tích cực.

Nhận xét Bảng 4 : Có 98,6% sinh viên đồng ý với quan điểm tiêm phòng vắc xin viêm gan B là biện pháp chủ động bảo vệ an toàn cho bản thân, trong khi 1,4% không đồng ý.

Đồng thời, 98,9% sinh viên đồng ý cần được đào tạo thêm về kiến thức và kỹ năng xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn, chỉ có 1,1% không đồng ý.

Bảng 2: Kiến thức về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn (n=278)

Kiến thức			Tần số đúng (n)	Tỷ lệ (%)
Phòng ngừa tổn thương do VSN	Virus có thể lây truyền qua đường máu theo vật sắc nhọn	Viêm gan B (VGB)	263	94,6
		Viêm gan C (VGC)	222	79,9
		HIV	270	97,1
Tổn thương do VSN	Hộp an toàn cần được đóng nắp kín và thay hộp mới khi hộp đã chứa	1/2 hộp	51	18,3
		2/3 hộp	144	51,8
		3/4 hộp	155	55,8
		Đầy hộp	32	11,5
Xử trí phơi nhiễm với VSN	Cách thức sơ cứu ban đầu khi bị tổn thương do VSN gây ra.	Nặn/ bóp máu vết thương, băng vết thương lại.	10	3,6
		Rửa ngay vết thương bằng dung dịch sát khuẩn, băng vết thương lại.	135	48,6
		Rửa ngay vết thương với xà phòng dưới vòi nước chảy, để máu chảy tự nhiên, băng vết thương lại.	230	82,7
		Rửa ngay vết thương bằng dung dịch nước muối, băng vết thương lại.	164	59

Nguồn: Nhóm tác giả phân tích dữ liệu từ phần mềm SPSS 20.0

Bảng 3: Đánh giá thái độ về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Khoa học Sức khỏe

Tỷ lệ sinh viên có thái độ tích cực (n=278)		
Thái độ	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Tích cực	243	87,4
Chưa tích cực	35	12,6

Nguồn: Nhóm tác giả phân tích dữ liệu từ phần mềm SPSS 20.0

Bên cạnh đó, 96,8% sinh viên đồng ý với quan điểm người bị kim đâm sau khi tiêm cho người bệnh thường có tâm lý sợ hãi và lo lắng về nguy cơ lây nhiễm HIV, viêm gan B và viêm gan C, trong khi 3,2% không đồng ý.

Các yếu tố liên quan với kiến thức và thái độ về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn của đối tượng tham gia nghiên cứu

Bảng 5: Phân tích mối liên quan giữa thái độ với kiến thức về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Khoa học Sức khỏe

Kiến thức Thái độ	Tốt	Chưa tốt	P
Tích cực	67	176	0,242
Chưa tích cực	13	22	

Phép kiểm Chi bình phương
Nguồn: Nhóm tác giả phân tích dữ liệu từ phần mềm SPSS 20.0

Nhận xét Bảng 5 : Kết quả phân tích cho thấy trong nhóm sinh viên có thái độ tích cực, số sinh viên có kiến thức chưa tốt (176 người) cao hơn số sinh viên có kiến thức tốt (67 người). Ngược lại, ở nhóm sinh

Bảng 4: Thái độ về xử trí phơi nhiễm với VSN (n=278)

STT	Thái độ		Tần số đúng (n)	Tỷ lệ (%)
1	Quan điểm về việc tiêm phòng vaccine viêm gan B là biện pháp chủ động bảo vệ an toàn cho bản thân	Đồng ý	274	98,6
		Không đồng ý	4	1,4
2	Quan điểm về việc cần được đào tạo thêm về kiến thức và kĩ năng về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn	Đồng ý	275	98,9
		Không đồng ý	3	1,1
3	Quan điểm về việc sau khi tiêm cho người bệnh mà bị kim tiêm đâm vào tay, tâm lý người bị kim đâm rất sợ hãi và lo lắng bị lây nhiễm với HIV,VGB,VGC	Đồng ý	269	96,8
		Không đồng ý	9	3,2

Nguồn: Nhóm tác giả phân tích dữ liệu từ phần mềm SPSS 20.0

viên có thái độ chưa tích cực, số sinh viên có kiến thức chưa tốt chiếm tỷ lệ cao (22 người) so với nhóm có kiến thức tốt (13 người). Tuy nhiên, sự khác biệt giữa thái độ và mức độ kiến thức về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn chưa đạt ý nghĩa thống kê ($p = 0,242$).

Nhận xét Bảng 6: Trong phân tích mối liên quan giữa thông tin chung với kiến thức về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn của sinh viên điều dưỡng. Kết quả cho thấy số lượng sinh viên nữ nhiều hơn so với nam và $p=0,188$ cho thấy giới tính chưa có ý nghĩa thống kê đối với mối liên quan với kiến thức.

Tuy nhiên về năm học hiện tại ($p= 0,013$) cho thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê đối với mức độ kiến thức của sinh viên ở các năm. Cụ thể sinh viên có kiến thức tốt ở năm 3 chiếm cao nhất (36,76%), tiếp đến là năm 4 chiếm (25,81%) cuối cùng là năm 2 (19,82%). Các mối liên quan khác như mong muốn hình thức đào tạo kiến thức cũng chưa ghi nhận có ý nghĩa thống kê với kiến thức của sinh viên ($p>0,05$).

Nhận xét Bảng 7 : Trong phân tích mối liên quan giữa thông tin chung với thái độ về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn của sinh viên điều dưỡng. Kết quả cho thấy số lượng sinh viên nữ nhiều hơn sinh viên nam. Tuy nhiên số lượng sinh viên nam có thái độ tích cực (15%) nhiều hơn so với số lượng sinh viên nữ (12,18%) và sự khác biệt này chưa có ý nghĩa thống kê khi $p=0,619$.

Xét theo năm học hiện tại, sinh viên năm 3 có thái độ tích cực cao nhất (15,44%), sinh viên năm 2 (11,71%) và thấp nhất là sinh viên năm 4 (3,23%), nhưng sự khác biệt này chưa đạt ý nghĩa thống kê ($p = 0,169$).

Các mối liên quan khác như mong muốn hình thức đào tạo kiến thức cũng chưa ghi nhận có ý nghĩa thống kê với thái độ của sinh viên ($p > 0,05$).

BÀN LUẬN

Các đặc điểm của đối tượng tham gia nghiên cứu

Về đặc điểm giới tính, nữ chiếm đa số trong mẫu nghiên cứu với tỷ lệ 85,6% (Hình 1). Kết quả này có sự tương đồng với nghiên cứu của tác giả La Văn Luân và cộng sự (2021) tại Đại học Y - Dược Thái Nguyên, nơi tỷ lệ nữ giới tham gia cũng chiếm ưu thế tuyệt đối (91%)⁵. Tỷ lệ này phản ánh tính đặc thù của ngành điều dưỡng, nơi đòi hỏi sự kết hợp giữa kiến thức chuyên môn và các tố chất tâm lý như tính tỉ mỉ, sự kiên nhẫn. Những đặc tính này thường được ghi nhận là ưu thế tự nhiên của phái nữ trong giao tiếp và thực hành lâm sàng. Tuy nhiên, sự chiếm ưu thế này cũng đặt ra yêu cầu về việc thiết kế các chương trình đào tạo an toàn nghề nghiệp phù hợp với tâm lý tiếp nhận của nữ giới, vốn thường có mức độ lo âu cao hơn khi đối mặt với rủi ro lây nhiễm.

Về đặc điểm năm học, sinh viên giữa các năm học phân bố không đồng đều, trong đó sinh viên năm 3 chiếm tỷ lệ cao nhất (49,6%), tiếp theo là sinh viên năm 2 (38,1%) và thấp nhất là sinh viên năm 4 (12,2%) (Hình 2). Kết quả này khác với nghiên cứu của Đặng Thị Yến và cộng sự (2026), trong đó sinh viên năm 2 chiếm tỷ lệ cao nhất (35%), tiếp theo là sinh viên năm 3 (33,6%) và sinh viên năm 4 (31,5%)⁶. Sự khác biệt này có thể được giải thích bởi số lượng sinh viên ở từng năm học, phương pháp chọn mẫu và thời điểm

Bảng 6: Mô tả mối liên quan giữa thông tin chung với kiến thức về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Khoa học Sức khỏe

Kiến thức		Tốt		Chưa tốt		P
Thông tin chung						
Biến số	Nội dung	n	%	n	%	
1. Giới tính	Nam	15	37,5	25	62,5	0,188
	Nữ	65	27,3	173	72,7	
2. Năm học	Năm 2	22	19,82	89	80,18	0,013
	Năm 3	50	36,76	86	63,24	
	Năm 4	8	25,81	23	74,19	
3. Mong muốn được đào tạo kiến thức về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn bằng hình thức nào? (nhiều lựa chọn)	Tự đọc tài liệu	27	22,9	91	77,1	0,062
	Giảng lý thuyết	54	30	126	70	
	Giảng lâm sàng tại bệnh viện	57	27,3	152	72,7	
	Khác	0	0	2	100	

Phép kiểm Chi bình phương
Nguồn: Nhóm tác giả phân tích dữ liệu từ phần mềm SPSS 20.0

thu thập số liệu khác nhau. Bên cạnh đó, năm học được xem là yếu tố có thể ảnh hưởng đến kiến thức và thái độ của sinh viên về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn, do sinh viên ở các năm học cao hơn thường có nhiều cơ hội tiếp xúc với môi trường lâm sàng và tích lũy kinh nghiệm thực hành hơn. Về mức độ yêu nghề, 88,1% sinh viên trong nghiên cứu này khẳng định có yêu nghề (Hình 3). Tỷ lệ này tương đồng với kết quả của La Văn Luân và cộng sự (2021) là 89,2%⁵. Đây là yếu tố tâm lý quan trọng thúc đẩy việc tuân thủ các quy trình an toàn nghề nghiệp. Yêu nghề là yếu tố tâm lý quan trọng, góp phần thúc đẩy động cơ học tập và ý thức tuân thủ các quy trình an toàn nghề nghiệp, bao gồm phòng ngừa và xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn. Tuy nhiên, yêu nghề chưa đủ để đảm bảo hành vi an toàn nếu không đi kèm với kiến thức và kỹ năng thực hành phù hợp. Điều này cho thấy vai trò thiết yếu của đào tạo và giám sát lâm sàng trong việc nâng cao an toàn cho sinh viên điều dưỡng. Về hình thức mong muốn được đào tạo kiến thức về xử trí phơi nhiễm với VSN, sinh viên tham gia khảo sát có xu hướng ưu tiên các hình thức đào tạo mang tính trực quan và thực hành. Tỷ lệ lựa chọn hình thức mong muốn cao nhất là giảng lâm sàng tại bệnh

viện (75,2%), còn hình thức khác chiếm tỷ lệ rất thấp (0,7%) (Hình 4). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Đoàn Mạnh Linh và cộng sự (2023), trong đó giảng lâm sàng tại bệnh viện cũng là hình thức được lựa chọn nhiều nhất với tỷ lệ 84,5%⁷. Điều này cho thấy sinh viên điều dưỡng có xu hướng ưu tiên các phương pháp đào tạo gắn liền với thực hành và môi trường lâm sàng thực tế, bởi đây là hình thức giúp sinh viên tiếp cận trực tiếp với thực tế lâm sàng, vận dụng kiến thức vào thực hành và nâng cao kỹ năng xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn. Qua đó cho thấy cần tăng cường các hoạt động đào tạo thực hành nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo về an toàn nghề nghiệp.

Kiến thức về xử trí phơi nhiễm với VSN
Về kiến thức xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn, đa số sinh viên có kiến thức đúng ở cả ba nội dung khảo sát. Trong đó, kiến thức về phòng ngừa tổn thương do vật sắc nhọn đạt tỷ lệ đúng cao nhất (90,65%), tiếp theo là kiến thức về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn trong tiêm truyền (85,61%) và kiến thức về tổn thương do vật sắc nhọn (77,72%) (Hình 5). Kết quả này cho thấy sinh viên đã được trang bị tương đối tốt các kiến thức liên quan đến an toàn nghề nghiệp và dự phòng phơi nhiễm. Tuy nhiên, tỷ lệ kiến thức đúng về tổn thương

Bảng 7: Mô tả mối liên quan giữa thông tin chung với thái độ về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Khoa học Sức khỏe

Thái độ Thông tin chung		Tích cực		Chưa tích cực		P
Biến số	Nội dung	n	%	n	%	
1. Giới tính	Nam	6	15	34	85	0,619
	Nữ	29	12,18	209	87,81	
2. Năm học	Năm 2	13	11,71	98	88,29	0,169
	Năm 3	21	15,44	115	84,56	
	Năm 4	1	3,23	30	96,77	
3. Mong muốn được đào tạo kiến thức về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn bằng hình thức (nhiều lựa chọn)	Tự đọc tài liệu	13	11	105	89	0,497
	Giảng lý thuyết	19	10,6	161	89,4	0,166
	Giảng lâm sàng tại bệnh viện	25	12	184	88	0,583
	Khác	0	0	2	100	0,590

Phép kiểm Chi bình phương
Nguồn: Nhóm tác giả phân tích dữ liệu từ phần mềm SPSS 20.0

do vật sắc nhọn thấp hơn các nội dung còn lại cho thấy vẫn cần tăng cường hoạt động đào tạo và truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên về các nguy cơ và hậu quả của tổn thương do vật sắc nhọn trong thực hành lâm sàng. Trong nghiên cứu của chúng tôi đã cho thấy, mặc dù 100% sinh viên đã từng được hướng dẫn về xử trí phơi nhiễm, tỷ lệ kiến thức đúng chỉ dừng lại ở mức 71,2% (Bảng 1). So sánh với bối cảnh quốc tế, kết quả này không có sự khác biệt rõ rệt so với nghiên cứu của Al-Mugheed và cộng sự (2023) khi tác giả này ghi nhận các sinh viên tham gia có điểm kiến thức tốt với 6,4/8 điểm⁸. Nhưng khi đặt trong tương quan với các nghiên cứu trong nước, kết quả này khá quan hơn đáng kể so với ghi nhận của Nguyễn Thành Trung và cộng sự (2023) tại Đại học Y Dược – ĐHQG Hà Nội, nơi tỷ lệ kiến thức đúng chung chỉ đạt 28,7%⁹. Sự khác biệt này cũng xuất hiện khi đối chiếu với nghiên cứu của Đoàn Mạnh Linh và cộng sự (62,5%)⁷. Với kết quả **kiến thức về phòng ngừa tổn thương do VSN** đã cho thấy sinh viên có sự nhận diện về các virus lây truyền, đặc biệt là HIV (97,1%) và VGB (94,6%), thấp hơn là VGC (79,9%) (Bảng 2). Kết quả này khá quan hơn nghiên cứu của Đoàn Mạnh Linh và cộng

sự (2023) tại Trường Cao đẳng Hậu cần 1, nơi chỉ có 53,5% sinh viên xác định chính xác ba loại virus này⁷. Hầu hết các giáo trình điều dưỡng cơ bản và kiểm soát nhiễm khuẩn đều lấy HIV và VGB làm ví dụ điển hình cho các rủi ro nghề nghiệp. HIV từ lâu đã được truyền thông như một căn bệnh thế kỷ với hệ lụy xã hội nghiêm trọng. VGB là bệnh lý có chương trình tiêm chủng mở rộng và yêu cầu bắt buộc về kháng thể trước khi đi lâm sàng, nên sinh viên có sự cảnh giác cao. Điều này vô tình khiến VGC ít nhận được sự chú ý từ sinh viên hơn. Theo một vài nghiên cứu, mức độ lây nhiễm VGC qua đường máu cao gấp 10 lần HIV¹⁰ và VGC thường diễn tiến âm thầm, không có vaccine phòng ngừa và các triệu chứng giai đoạn đầu không rầm rộ như VGB cấp tính¹¹. Việc nhận diện kém hơn về VGC đồng nghĩa với việc sinh viên có thể chủ quan hơn trong việc theo dõi hậu phơi nhiễm nếu nguồn gây tai nạn là người bệnh nhiễm VGC. Đối với lĩnh vực **kiến thức về tổn thương do VSN**, tỉ lệ sinh viên biết thời điểm thay hộp an toàn khi đầy 3/4 chỉ đạt 55,8% (Bảng 2). Kết quả này tiến bộ hơn so với kết quả 48,5% trong nghiên cứu của Đoàn Mạnh Linh và cộng sự năm 2023⁷. Việc để hộp đựng VSN quá đầy là nguyên nhân hàng đầu dẫn đến tai nạn đâm

kim khi dọn dẹp hoặc tiêu hủy. Điều này có thể xuất phát từ việc sinh viên điều dưỡng thường tập trung vào các kỹ thuật phức tạp nhưng lại có xu hướng xem nhẹ các bước như dọn dẹp và xử lý rác thải. Ngoài ra, trên thực tế lâm sàng, đôi khi do thiếu hụt vật tư hoặc thói quen tiết kiệm không đúng chỗ, các hộp an toàn thường bị để đầy đến miệng mới thay. Việc sinh viên quan sát và làm theo các hành vi không chuẩn mực tại bệnh viện thực hành đã dẫn đến sự sai lệch trong nhận thức lý thuyết.

Trong lĩnh vực **kiến thức về xử trí phơi nhiễm với VSN**, một trong những kết quả khả quan đáng ghi nhận trong nghiên cứu là có tới 82,7% sinh viên chọn đáp án đúng về cách sơ cứu ngay sau khi bị tổn thương (rửa vết thương với xà phòng dưới vòi nước chảy, để máu chảy tự nhiên, băng vết thương lại) (Bảng 2). Đây là một con số tương đối cao, cho thấy sinh viên đã nắm được nguyên tắc cơ bản nhất của quy trình xử trí phơi nhiễm. Kết quả này có sự tương đồng nhất định với nghiên cứu của Al-Mugheed và cộng sự (2023), khi tác giả này cũng ghi nhận sinh viên có nhận thức tích cực (78,8%) về việc xử lý vết thương ngay lập tức⁸. Tuy nhiên, con số này trong nghiên cứu của chúng tôi cao hơn đáng kể so với kết quả của Nguyễn Thành Trung và cộng sự (2023) tại Đại học Y Dược - ĐHQG Hà Nội với 30,1%⁹.

Chúng tôi ghi nhận có tới 49,6% sinh viên sợ bị phạt và 43,5% không biết thủ tục báo cáo (Hình 6). Điều này có thể xuất phát từ việc sinh viên cho rằng tai nạn đâm kim thể hiện sự kém cỏi hoặc bất cẩn, thay vì nhìn nhận đó là rủi ro nghề nghiệp khó tránh khỏi. Tâm lý này dẫn đến hành vi che giấu sự cố để bảo vệ điểm số thực tập hoặc uy tín cá nhân. Đối chiếu với nghiên cứu của Đoàn Mạnh Linh và cộng sự (2023), lý do lớn nhất mà sinh viên không báo cáo khi bị tổn thương là sự chủ quan vết thương nhỏ, nguy cơ lây nhiễm thấp với tỷ lệ là 84%⁷. Điều này cho thấy nhận thức chưa đầy đủ về nguy cơ là một rào cản phổ biến đối với hành vi báo cáo. Từ đó, có thể thấy rằng việc cải thiện hệ thống báo cáo theo hướng đơn giản, dễ tiếp cận và đảm bảo tính bảo mật là cần thiết. Đồng thời, cần tăng cường giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của việc báo cáo sự cố, qua đó góp phần đảm bảo an toàn trong môi trường thực hành lâm sàng.

Từ những kết quả trên, có thể nhận thấy mặc dù kiến thức chung của sinh viên về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn đạt mức tương đối, nhưng vẫn còn những hạn chế ở một số nội dung cụ thể và trong hành vi báo cáo phơi nhiễm.

Do đó, cần có các giải pháp can thiệp phù hợp nhằm nâng cao và duy trì kiến thức một cách liên tục. Cụ thể, cần tăng cường lồng ghép và nhắc lại định kỳ nội

dung xử trí phơi nhiễm trong chương trình đào tạo, đặc biệt đối với sinh viên năm cuối. Đồng thời, nên tổ chức các hoạt động tập huấn và mô phỏng tình huống thực tế nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng thực hành cho sinh viên.

Thái độ về xử trí phơi nhiễm với VSN

Thái độ của đối tượng nghiên cứu về việc dự phòng và xử trí phơi nhiễm với VSN trong nghiên cứu của chúng tôi được ghi nhận ở mức độ tích cực tương đối cao (87,4%) (Bảng 3). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Al-Mugheed và cộng sự (2023) tại Ả Rập Xê Út, khẳng định đa số sinh viên có thái độ tích cực với điểm khá cao (27,1/35 điểm)⁸. Tuy nhiên, kết quả này có điểm tiến bộ hơn so với nghiên cứu của Đoàn Mạnh Linh (76,5%) và Nguyễn Thành Trung (65,7%). Sự chênh lệch này có thể do sự khác biệt về thời điểm khảo sát hoặc các chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe tại đơn vị nghiên cứu đã tác động hiệu quả hơn đến tâm lý sinh viên^{7,9}.

Nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận có tới 96,8% sinh viên thể hiện sự lo lắng về nguy cơ lây nhiễm các bệnh qua đường máu như HIV, VGB và VGC (Bảng 4), cho thấy một nhận thức rõ rệt về những hệ lụy sức khỏe nghiêm trọng khi xảy ra sự cố nghề nghiệp. Kết quả này không chỉ tương đương mà còn cao hơn nghiên cứu trước đó của Đoàn Mạnh Linh và cộng sự (87,5%)⁷. Sự lo lắng này không mang tính tiêu cực mà trái lại, nó trở thành động lực thúc đẩy ý thức bảo vệ bản thân, minh chứng qua việc 98,6% sinh viên đồng thuận rằng tiêm phòng VGB là yêu cầu bắt buộc trước khi thực hành lâm sàng và 98,9% đối tượng mong muốn được đào tạo chuyên sâu hơn về kỹ năng xử trí (Bảng 4). Tỷ lệ này phản ánh sự chủ động trong việc trau dồi năng lực an toàn, tạo tiền đề thuận lợi cho nhà trường và cơ sở y tế triển khai các can thiệp giáo dục thực tế. Các kết quả trên tương đồng với nghiên cứu của Đoàn Mạnh Linh và cộng sự năm 2023 về tỷ lệ sinh viên đồng ý đào tạo thêm kiến thức phòng và xử trí tổn thương do VSN là 98,5%⁷.

Mối liên quan giữa thái độ với kiến thức về xử trí phơi nhiễm với VSN

Chúng tôi không ghi nhận mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa thái độ tích cực và mức độ kiến thức tốt về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn (Bảng 5). Kết quả này cho thấy mặc dù sinh viên có thái độ tích cực, thể hiện sự lo lắng trước nguy cơ phơi nhiễm và sẵn sàng tham gia học tập, nhưng mức độ kiến thức thực tế chưa chắc đã tương xứng. Thái độ tích cực phản ánh nhận thức và động cơ bảo vệ bản thân, tuy nhiên việc chuyển hóa thái độ thành kiến thức chính

xác và kỹ năng thực hành đúng đòi hỏi quá trình đào tạo bài bản, lặp lại và có giám sát. Kết quả này có sự tương đồng với nhận định của Nguyễn Thành Trung và cộng sự (2023) tại Đại học Y Dược - ĐHQG Hà Nội khi chỉ ra rằng mặc dù 65,7% sinh viên có thái độ tốt, nhưng tỷ lệ kiến thức đúng lại thấp hơn nhiều (28,7%)⁹. Điều này cho thấy khoảng cách giữa nhận thức, thái độ và năng lực thực hành vẫn còn tồn tại ở sinh viên điều dưỡng. Ngược lại, nghiên cứu của Al-Mugheed (2023) và Đoàn Mạnh Linh (2023) lại cho thấy một mối liên quan thuận chiều rõ rệt hơn giữa thái độ và kiến thức^{7,8}.

Mối liên quan giữa thông tin chung với kiến thức về xử trí phơi nhiễm với VSN

Trong nghiên cứu của chúng tôi có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa năm học và kiến thức ($p = 0,013$) (Bảng 6). Sinh viên năm 3 có tỷ lệ kiến thức tốt cao nhất (36,76%) (Bảng 6). Điều này có thể được lý giải bởi đây là giai đoạn sinh viên vừa hoàn thành học phần Kiểm soát nhiễm khuẩn ở năm học trước và đang trực tiếp áp dụng trên lâm sàng. Ngược lại, sinh viên năm 4 – nhóm có thời gian thực tập lâm sàng dài nhất – lại ghi nhận tỷ lệ kiến thức tốt thấp hơn (25,81%) (Bảng 6). Hiện tượng này có thể phản ánh sự “mai một kiến thức” theo thời gian nếu không được củng cố và cập nhật thường xuyên. Bên cạnh đó, sinh viên năm cuối thường phải đảm nhiệm khối lượng công việc lâm sàng lớn hơn, tập trung nhiều vào các kỹ thuật chuyên môn phức tạp và yêu cầu hoàn thành nhiệm vụ thực hành, từ đó có xu hướng xem nhẹ hoặc thực hiện mang tính thói quen các quy trình an toàn cơ bản. Việc quan sát và lặp lại các hành vi chưa chuẩn mực trong môi trường lâm sàng, chẳng hạn như xử lý vật sắc nhọn chưa đúng quy trình hoặc tri hoãn báo cáo phơi nhiễm, cũng có thể góp phần làm sai lệch nhận thức lý thuyết ban đầu của sinh viên. Đối với sinh viên năm 2, mặc dù vừa kết thúc học phần Kiểm soát nhiễm khuẩn, tỷ lệ kiến thức tốt chỉ đạt 19,82% (Bảng 6). Điều này có thể liên quan đến việc sinh viên năm 2 còn hạn chế trải nghiệm thực tế, chủ yếu tiếp cận kiến thức ở mức lý thuyết, chưa có nhiều cơ hội thực hành lặp lại để củng cố và chuyển hóa kiến thức thành kỹ năng thực hành bền vững. Kết quả này có sự khác biệt nhẹ với nghiên cứu của Al-Mugheed và cộng sự (2023) khi tác giả này cho rằng sinh viên năm cuối mới là nhóm đạt điểm cao nhất⁸. Sự khác biệt có thể xuất phát từ sự không đồng nhất về chương trình đào tạo, mức độ giám sát lâm sàng, cũng như văn hóa an toàn tại các cơ sở thực hành. Điều này cho thấy kiến thức về an toàn và xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn không tự động tăng theo thời gian đào tạo, mà

phụ thuộc đáng kể vào việc củng cố kiến thức định kỳ và môi trường thực hành lâm sàng.

Mức độ kiến thức chung với giới tính không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, mặc dù nam giới có tỷ lệ đạt cao hơn một chút về mặt con số (37,5% so với 27,3%) (Bảng 6). Kết quả này phản ánh rằng cả hai giới đều được tiếp cận với chương trình đào tạo và các cơ hội thực hành lâm sàng như nhau tại Trường Đại học Khoa học Sức khỏe. Sự tương đồng này cũng được ghi nhận trong nghiên cứu của Al-Mugheed và cộng sự (2023) tại Ả Rập Xê Út, mặc dù vẫn có sự chênh lệch khi tác giả này chỉ ra rằng sinh viên nữ thường có điểm kiến thức trung bình cao hơn nam giới ($5,2 \pm 1,3$ so với $4,1 \pm 1,1$)⁸.

Mức độ kiến thức chung với mong muốn hình thức đào tạo kiến thức cũng chưa ghi nhận có ý nghĩa thống kê với kiến thức của sinh viên ($p > 0,05$) (Bảng 6). Điều này cho thấy mong muốn lựa chọn phương thức học tập chưa phản ánh trực tiếp mức độ kiến thức hiện có của sinh viên. Mặc dù vậy, tỷ lệ sinh viên có kiến thức tốt ở nhóm mong muốn được đào tạo bằng giảng lý thuyết (30%) và giảng lâm sàng tại bệnh viện (27,3%) cao hơn so với nhóm tự đọc tài liệu (22,9%) (Bảng 6). Kết quả này phù hợp với nhận định của Al-Mugheed và cộng sự (2023) khi cho rằng các hoạt động đào tạo có hướng dẫn và gắn với thực hành lâm sàng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao kiến thức về phòng ngừa và xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn ở sinh viên điều dưỡng⁸.

Mối liên quan giữa thông tin chung với thái độ về xử trí phơi nhiễm với VSN

Theo Bảng 7, cho thấy chưa có sự khác biệt rõ rệt về thái độ giữa nam và nữ, cũng như giữa các năm học. Điều này chứng tỏ nhận thức về tầm quan trọng của việc phòng ngừa phơi nhiễm là một nhận thức chung của toàn bộ sinh viên điều dưỡng. Ngược lại, mặc dù không có sự chênh lệch đáng kể về thái độ giữa nam và nữ trong nghiên cứu của Al-Mugheed và cộng sự (2023), nhưng kết quả về thái độ có xu hướng tăng dần theo thời gian đào tạo ($p = 0,02$), tuy nhiên lại giảm ở năm học thứ 3 ($20,5 \pm 1,7$ điểm) trước khi tăng mạnh ở năm 4 và năm 5⁸.

Về mối liên quan giữa thái độ với mong muốn hình thức đào tạo kiến thức, kết quả nghiên cứu cho thấy không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa hai yếu tố trên ($p > 0,05$) (Bảng 7). Tỷ lệ sinh viên có thái độ tích cực tương đối tương đồng giữa các nhóm lựa chọn hình thức đào tạo khác nhau, dao động từ 10,6% đến 12% (Bảng 7). Điều này cho thấy thái độ của sinh viên đối với xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn không phụ thuộc vào hình thức đào tạo sinh

viên mong muốn, mà có thể chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố khác như nhận thức về nguy cơ nghề nghiệp, kinh nghiệm thực hành lâm sàng và nội dung đào tạo đã được tiếp cận trong chương trình học.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu trên 278 sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Khoa học Sức khỏe cho thấy đa số sinh viên có kiến thức đúng và thái độ tích cực về xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn. Sinh viên nhận biết tốt các tác nhân lây truyền qua đường máu và một số biện pháp an toàn cơ bản. Tuy nhiên, kiến thức còn chưa đồng đều, đặc biệt ở các nội dung liên quan đến thao tác thường gặp trong thực hành lâm sàng, thời điểm thay hộp an toàn và theo dõi sau phơi nhiễm. Phần lớn sinh viên có thái độ đúng đối với phòng ngừa và xử trí phơi nhiễm, song vẫn còn một tỷ lệ nhất định cho rằng không cần báo cáo khi tổn thương nhẹ. Năm học hiện tại có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với mức độ kiến thức, trong khi chưa ghi nhận mối liên quan giữa kiến thức và thái độ. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự cần thiết phải tăng cường đào tạo, cập nhật thường xuyên kiến thức và kỹ năng xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn cho sinh viên điều dưỡng, đặc biệt trong giai đoạn thực hành lâm sàng, nhằm nâng cao an toàn nghề nghiệp và giảm nguy cơ phơi nhiễm.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu Trường Đại học Khoa học Sức khỏe, quý thầy cô Khoa Điều dưỡng, giảng viên hướng dẫn và các sinh viên điều dưỡng năm 2, năm 3 và năm 4 đã hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi và tham gia nghiên cứu, góp phần giúp nghiên cứu được thực hiện và hoàn thành. Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Sức khỏe trong khuôn khổ đề tài Khoa học và Công nghệ cấp cơ sở dành cho sinh viên năm 2025, mã số CSSV2025-05.

ĐỒNG Ý CHO VIỆC CÔNG BỐ

Các đối tượng tham gia nghiên cứu và nhóm tác giả đều đồng ý cho phép sử dụng và công bố các kết quả nghiên cứu (ở dạng tổng hợp, không định danh cá nhân).

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

VSN: Vật sắc nhọn
NVYT: Nhân viên y tế
SVDD: Sinh viên điều dưỡng
HBV: Virus viêm gan B
HCV: Virus viêm gan C
WHO: World Health Organization - Tổ chức Y tế Thế giới

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Nhóm tác giả tuyên bố không có bất kỳ xung đột lợi ích nào. Nhóm nghiên cứu cam kết không có sự tranh chấp về quyền lợi trong nghiên cứu này.

ĐÓNG GÓP CỦA CÁC TÁC GIẢ

Đỗ Nguyễn Mai Trinh: lên ý tưởng nghiên cứu, thực hiện nghiên cứu và chỉnh sửa bản thảo

Nguyễn Minh Thụy: thực hiện nghiên cứu và viết bản thảo.

Nguyễn Ngọc Trân: thực hiện nghiên cứu và viết bản thảo.

Nguyễn Đặng Kim Thủy: thực hiện nghiên cứu và viết bản thảo.

Nguyễn Thị Trúc: thực hiện nghiên cứu và viết bản thảo.

Mai Mỹ Châu: định hướng ý tưởng nghiên cứu, hướng dẫn chuyên môn và chỉnh sửa bản thảo

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hosseinipalangi Z, Golmohammadi Z, Ghashghae A, Mejareh Z, et al. Global, regional and national incidence and causes of needlestick injuries: a systematic review and meta-analysis. *East Mediterr Health J.* 2022;28(3):233–241. Available from: <https://doi.org/10.26719/emhj.22.031>.
- Bouya S, Balouchi A, Rafiemanesh H, Amirshahi M, Mastres M, Moghadam MP, et al. Global Prevalence and Device Related Causes of Needle Stick Injuries among Health Care Workers: A Systematic Review and Meta-Analysis. *Annals of global health.* 2020;86(1):35–35. Available from: <https://doi.org/10.5334/aogh.2698>.
- Vân DK. Nghiên cứu tổn thương nghề nghiệp do vật sắc nhọn ở nhân viên y tế và giải pháp can thiệp tại một số bệnh viện khu vực Hà Nội (Luận án tiến sĩ, Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương). Số LA13.0636.3.2013; 2013. Available from: <http://luanan.nlv.gov.vn/luanan?a=d&d=TTcFqWrIEluO2013.1.28&e=-vi-20-1-img-txIN--vi-20-1-1-img-txIN----->.
- Phương NTM, Phương HLN, Ngân LT, Đan PT, Kiều PTB. Thực trạng Tổn Thương Do Vật Sắc Nhọn Y Tế Và Các Yếu Tố Liên Quan Ở Sinh Viên Điều Dưỡng Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ Năm 2020. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ.* 2023;45:14–21.
- Luân LV, Vân LT, PTV. Kiến thức, thái độ về phòng và xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn trong tiêm truyền của sinh viên điều dưỡng trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên. *Tạp chí Khoa học (Đại học Tây Nguyên).* 2021;p. 99–111.
- Đặng Thị Yến, Hoàn LT, Nguyễn LTT. Kiến thức về dự phòng tổn thương do vật sắc nhọn của sinh viên Điều dưỡng Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh và các yếu tố liên quan. *Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh.* 2026;29(6):136–146. Available from: <https://doi.org/10.32895/hcj.m.2026.06.17>.
- Đoàn Mạnh Linh, Hạnh PTM, Uyên HTP. Thực trạng kiến thức, thái độ dự phòng và xử trí tổn thương do vật sắc nhọn của học viên, sinh viên trường Cao đẳng Hậu Cần 1 năm 2021. *Tạp Chí Y Dược Thực hành.* 2023;30(12).
- Al-Mugheed K, Farghaly SM, Baghdadi NA, Oweidat I, Al-zoubi MM. Incidence, knowledge, attitude and practice toward needle stick injury among nursing students in Saudi Arabia. *Front Public Health.* 2023;11. Available from: <https://doi.org/10.3389/fpubh.2023.1160680>; <https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/37213613/>.

9. Thành TN, Hà VN, NQH. Thực trạng kiến thức, thái độ về xử trí chấn thương do vật sắc nhọn của sinh viên chuyên ngành điều dưỡng trường đại học y dược – đhqghn năm 2022. Tạp Chí Y học Việt Nam. 2023;531(2). Available from: <https://doi.org/10.51298/vmj.v531i2.7169>.
10. Gupta P. Hepatitis C Virus and HIV Type 1 Co-Infection. Infect Dis Rep. 2013;5(1). Available from: <https://doi.org/10.4081/idr.2013.s1.e7>; <https://pmc.ncbi.nlm.nih.gov/articles/PMC3892626/>.
11. Hepatitis and reproduction. Fertility and Sterility. 2004;82(6):1754–1764. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.fertnstert.2004.10.008>.

Knowledge and attitudes toward handling of sharps exposure among nursing students at the University of Health Sciences

Nguyen Mai Trinh Do*, Minh Thuy Nguyen, Ngoc Tran Nguyen, Dang Kim Thuy Nguyen, Thi Truc Nguyen, My Chau Mai



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

Objective: To determine the level of correct knowledge and positive attitudes toward the management of sharp object exposure and to identify associated factors among nursing students at the University of Health Sciences.

Subjects and methods: A cross-sectional descriptive study was conducted among 278 second-, third-, and fourth-year nursing students who had completed the Infection Prevention and Control course at the University of Health Sciences and were present during the study period from September 2025 to November 2025. Students who agreed to participate in the study were included.

Results: The proportion of students with correct knowledge regarding the management of sharp object exposure was 71,2%, with the highest rate of correct responses observed in knowledge related to the prevention of sharp object injuries (90,65%). The proportion of students demonstrating positive attitudes toward the management of sharp object exposure was 87,4%. Analysis of associated factors revealed a statistically significant relationship between academic year and knowledge level ($p = 0,013$). Third-year students accounted for the highest proportion of students with good knowledge (36,76%), followed by fourth-year students (25,81%) and second-year students (19,82%).

Conclusion: Nursing students demonstrated good knowledge and positive attitudes toward the management of sharp object exposure. However, several knowledge gaps remain and should be addressed through continuous education and regular knowledge updates.

Key words: Nursing students, sharps exposure, knowledge, attitude

University of Health Sciences, Viet Nam
National University Ho Chi Minh City

Correspondence

Nguyen Mai Trinh Do, University of
Health Sciences, Viet Nam National
University Ho Chi Minh City

Email: dnmtrinh.dd2023@uhsvnu.edu.vn

History

- Received: 02-02-2026
- Revised: 01-06-2026
- Accepted: 07-07-2026
- Published Online: 25-08-2026

DOI : <https://doi.org/10.32508/vnuhcmj-hs.v7i2.753>



Check for updates

Copyright

© VNUHCM Journal. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

Cite this article : Do N M T, Nguyen M T, Nguyen N T, Nguyen D K T, Nguyen T T, Mai M C. Knowledge and attitudes toward handling of sharps exposure among nursing students at the University of Health Sciences. *VNUHCM J. Health Sci.* 2026; 7(2):1126-1138.